TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2024
Về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đoàn Trung Phước**

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Luyến; Bà Nguyễn Thị Việt Hà.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lò Văn Sơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện ***Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:*** Ông La Văn X - Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST- HNGĐ, ngày 19/10/2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị Q**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nông Kính K**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị Q trình bày: Chị và anh Nông Kính K tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 13/9/2019 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Cuộc sống vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm. Đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K nghiện chất ma túy, sau khi sử dụng chất ma túy, anh K hay đánh đập chị và không tu chí làm ăn. Từ đó hai vợ chông phát sinh mâu thuẫn càng trầm trọng. Chị và anh K đa tự tìm cách khắc phục và được hai bên gia đình động

viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Anh K không chịu thay đổi chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài thêm nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Nông Kính K.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Nông Thị Mai T, sinh ngày 18/9/2019, nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) mà không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nông Kính K, sau khi thụ lý vụ án, tiến hành tống đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án; Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án; Thư ký tiến hành tố tụng; Giấy triệu tập số 01/GTT- TA ngày 19/10/2023. Tuy nhiên tại thời điểm tống đạt các văn bản tố tụng, bị đơn Nông Kính K vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng.

Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 06/TB-TA ngày 06/11/2023 ấn định thời gian mở phiên họp vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 22/11/2023, tiến hành tống đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã lập Biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn. Đến thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng phương pháp niêm yết công khai các văn bản tố tụng như để bị đơn biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do.

Biên bản xác minh ngày 19/10/2023, ông Vàng Văn S - Trưởng bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu cung cấp thông tin: Hiện tại anh Nông Kính K không có mặt tại địa phương, anh K đi đâu, làm gì đại diện thôn bản không rõ. Khi đi khỏi địa phương anh K không báo cáo, cũng không làm thủ tục đăng ký tạm vắng.

Về tình trạng hôn nhân: Chị Q, anh K về chung sống với nhau từ năm 2018 và đăng ký kết hôn năm 2019. Trong quá trình chung sống, đến khoảng năm 2021 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K có biểu hiện nghiện chất ma túy, hay chửi mắng, đánh đập chị Q, chị Q có đến trình báo nhưng do chưa có thương tích nên bản không lập biên bản, chỉ nhắc nhở anh K và giải thích pháp luật. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Q, anh K hiện không còn sống chung.

Biên bản xác minh thu nhập ngày 15/11/2023 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu xác định: Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã P là 45 triệu đồng/người/năm tại thời điểm xác minh.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2024 ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 04/3/2024, tuy nhiên đến thời điểm mở phiên tòa, bị đơn Nông Kính K vắng mặt không rõ lý do.

Như vậy, Tòa án đã làm đầy đủ những thủ tục tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K, Tòa án đã niêm yết hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh K không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng. Do vậy, nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời khai, ý kiến của anh Nông Kính K về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị Q có đơn xin vắng mặt, anh K mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn Lò Thị Q được ly hôn với bị đơn Nông Kính K.

Về con chung: Do bị đơn không có mặt tại địa phương nên đề nghị giao con chung Nông Thị Mai T, sinh ngày 18/9/2019 cho nguyên đơn Lò Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi để phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu.

Về tài sản chung, cho vay chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Bị đơn Nông Kính K không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại 02 phiên tòa không rõ lý do Quê dù Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228/Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 để xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207/Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Q và anh Nông Kính K có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Q, anh K chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, anh K có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy, không tu chí làm ăn lại hay chửi mắng, đánh đập chị Q. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh K, chị Q không đạt được, chị Q vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh K, vì vậy căn cứ vào Điều 39/Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Lò Thị Q và anh Nông Kính K có 01 con chung chưa thành niên Nông Thị Mai Tcòn sống phụ thuộc. Anh K trong quá trình giải quyết vụ án đã không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc nuôi con khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp. Bên cạnh đó, tại thời điểm xét xử bị đơn Nông Kính K không có mặt nên không có căn cứ xem xét giao con cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị Q để giao con chung chưa thành niên cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn Nông Kính K có quyền kháng cáo bản án hoặc khởi kiện vụ án dân sự khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; Điều 39/Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị Q.

2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lò Thị Q được ly hôn với bị đơn Nông Kính K.

3**.** Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên Nông Thị Mai T, sinh ngày 18/9/2019 cho nguyên đơn Lò Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Bị đơn Nông Kính K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của nguyên đơn trực tiếp nuôi con.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lò Thị Q phải chịu 300.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm, chị Q đã nộp 300.000^{đ} tạm ứng án phí theo biên lai số 0000756, ngày 19/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay 300.000^{đ} đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Trung Phước

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện T, Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.